

FURUNO

RADAR

Model: FAR-2xx8 series

Giữ ổn định trên biển

với radar thể hệ tiếp theo: an toàn, đáng tin cậy
và thân thiện với người dùng

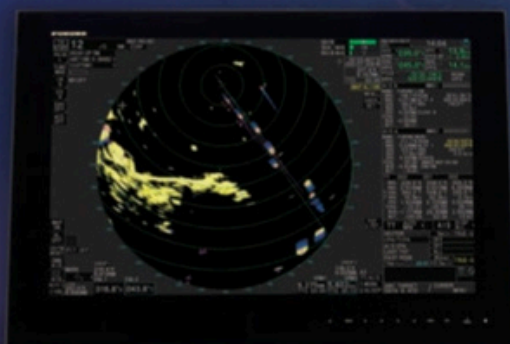


Giữ ổn định trên biển

với radar thế hệ tiếp theo: an toàn, đáng tin cậy và thân thiện với người dùng



RADAR



Dòng FAR-23x8

(dành cho tàu/thuyền Cat.1, màn hình LCD 27")

FAR-2318 FAR-2328/ X-band, 12 kW, TR up
FAR-2328W FAR-2328-NXT X-band, 25 kW, TR up
X-band, 600 W, TR up, Solid State
FAR-2338S/FAR-2338SW S-band, 30 kW, TR up,
FAR-2338S-NXT S-band, 250 W, TR up, Solid State

Dòng FAR-20x8-Mark-2

(dành cho tàu/thuyền Cat.1/2, màn hình LCD 27"/19")

FAR-2018-MARK-2 FAR- X-band, 12 kW, TR up
2028-MARK-2 band, 25 kW, TR up

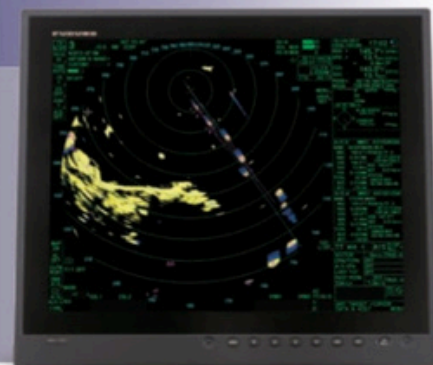
Dòng FAR-22x8

(dành cho tàu/thuyền Cat.2, màn hình LCD 19")

FAR-2218/FAR-2218-BB FAR-2228/FAR- X-band, 12 kW, TR up
2228-BB FAR-2228-NXT/FAR-2228-NXT-BB X-band, 25 kW, TR up
FAR-2238S/FAR-2238S-BB X-band, 600 W, TR up, Solid State S-band,
30 kW, TR up,
FAR-2238S-NXT/FAR-2238S-NXT-BB S-band, 250 W, TR up, Solid State

Tuân thủ các quy định sau:

IEC 60945 Ed.4.0	IEC 62288 Ed.3.0 IEC
IEC 61162-1 Ed.5.0 IEC	62388 Ed.2.0 IEC
61162-2 Ed.1.0 IEC 61162-	62923-1
450 Ed.2.0 IEC 61174	IEC 62923-2
Ed.4.0	

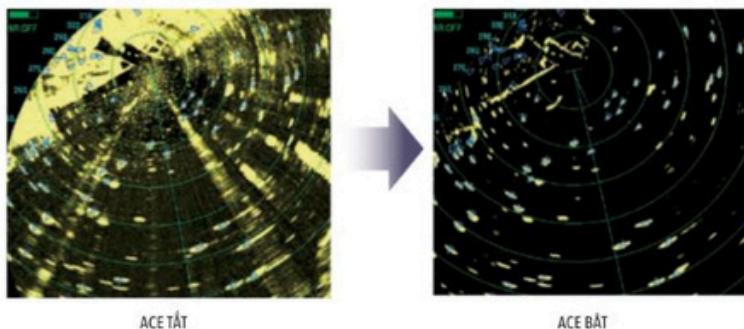


Công nghệ tiên tiến cho an toàn hàng hải

Dòng Furuno FAR-2xx8 là dòng Radar hoàn toàn mới, đặc trưng bởi thiết kế ăng-ten hiện đại và công nghệ xử lý tín hiệu tiên tiến. Các công nghệ tiên tiến mới nhất và thiết kế trực quan của Furuno sẽ tăng cường nhận thức tình huống, giúp an toàn hàng hải vô song.

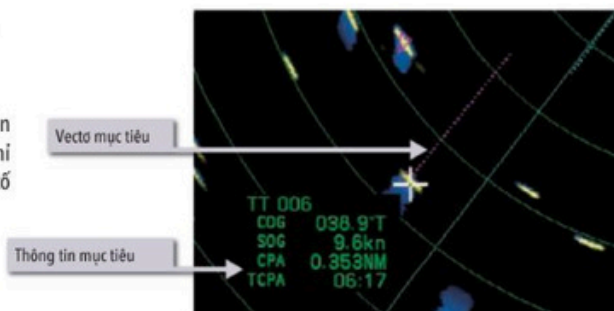
► Tự động loại bỏ nhiễu (ACE) cho âm dội rõ chưa từng có

Nhanh chóng điều chỉnh hình ảnh Radar chỉ bằng một lần nhấn nút. Khi chức năng ACE được kích hoạt, hệ thống sẽ tự động tối ưu hóa các bộ lọc giảm nhiễu và điều khiển độ lợi theo điều kiện biển và thời tiết.



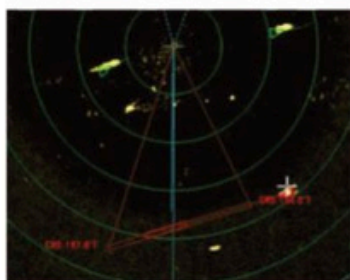
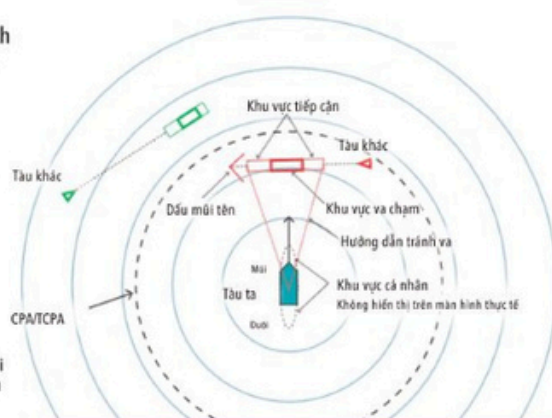
► Chức năng Fast Target Tracking™ cung cấp khả năng tránh va chạm từ sớm

Với tính năng Fast Target Tracking™ (TT), dòng FAR-2xx8 cung cấp thông tin theo dõi mục tiêu chính xác; các vectơ tốc độ và hướng đi được hiển thị chỉ trong vài giây, cho phép người vận hành có hành động kịp thời và tránh sự cố ngay từ rất sớm.

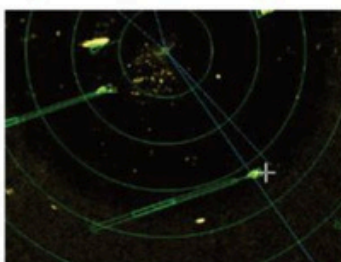


► Nhận thấy các nguy cơ va chạm tiềm ẩn với Risk Visualizer™

Risk Visualizer™ hỗ trợ người điều khiển đưa ra quyết định tránh va chạm bằng cách trực quan hóa các khu vực có nguy cơ va chạm nếu tàu của mình duy trì tốc độ hiện tại và các tàu khác tiếp tục di chuyển với tốc độ và hướng đi hiện tại. Risk Visualizer™ giúp dễ dàng xác định nguy cơ tiếp cận hoặc va chạm với các tàu khác trong môi trường khó khăn—chẳng hạn như khi điều hướng ban đêm, điều kiện tầm nhìn thấp, khu vực giao thông đông đúc hoặc khi người điều khiển đang xử lý khối lượng công việc lớn.



Trong hình ảnh ví dụ, bằng cách thay đổi hướng đi để tàu của bạn không đi vào khu vực tiếp cận, bạn có thể tránh được tàu khác bằng cách duy trì khoảng cách bằng với khu vực cá nhân.



Hình ảnh hiển thị Risk Visualizer

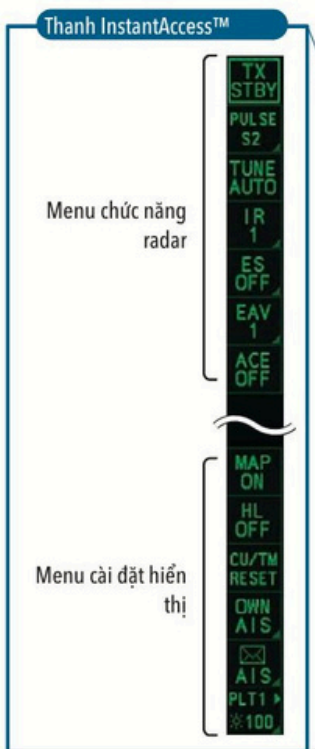
Hãy điều khiển tàu của bạn để tránh các khu vực tiếp cận/va chạm, bạn sẽ tránh được các tàu khác. Nếu hướng đi của tàu bạn nằm trong khu vực tiếp cận, có nguy cơ va chạm với tàu khác, vì vậy người điều khiển phải lái tàu một cách thận trọng.

Nếu CPA và TCPA của mục tiêu nhỏ hơn ngưỡng, khu vực tiếp cận/va chạm sẽ nhấp nháy màu đỏ và cảnh báo CPA/TCPA sẽ xuất hiện. Sau khi xác nhận cảnh báo, đèn nhấp nháy sẽ dừng.

※ Nếu tốc độ hoặc hướng đi của mục tiêu thay đổi sau khi tàu của bạn thay đổi hướng đi, nguy cơ va chạm có thể tăng lên. Hãy điều khiển tàu của bạn cho phù hợp để tránh va chạm.
 ※ Khi chế độ vectơ được đặt thành ổn định trên mặt đất hoặc ổn định trên biển (true), khu vực tiếp cận/va chạm được hiển thị bằng một đường liền nét dựa theo cùng hướng với vectơ của mục tiêu đang trên đường va chạm với tàu của bạn.
 ※ Màu sắc của khu vực tiếp cận/va chạm thay đổi theo màu của biểu tượng mục tiêu.

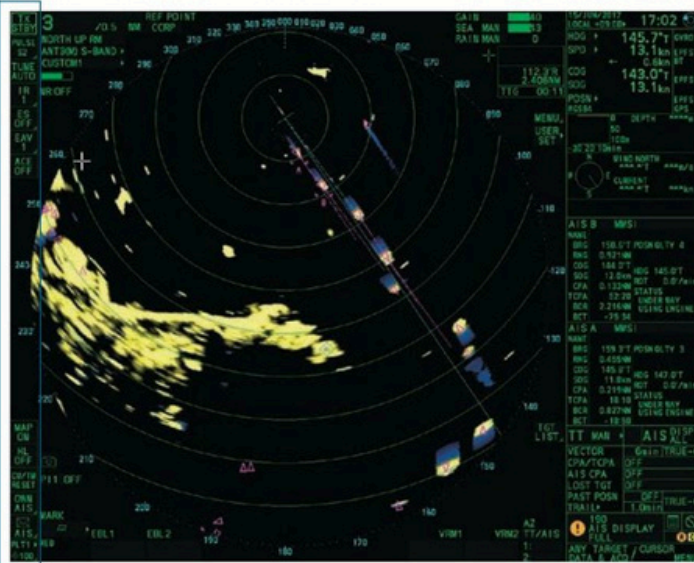


Giao diện người dùng trực quan đặc biệt



► Thanh InstantAccess™ giúp bạn truy cập nhanh vào các chức năng thường dùng của mình

Thanh InstantAccess™ chứa các menu phím tắt cho các chức năng và thao tác thường dùng, cho phép truy cập nhanh vào các tác vụ thiết yếu.



► Bộ điều khiển được thiết kế tốt giúp vận hành không gây căng thẳng

Khả năng sử dụng thoải mái là rất quan trọng trong những chuyến đi dài. Với suy nghĩ đó, những bộ điều khiển này được thiết kế dựa trên công thái học để phù hợp với tay người vận hành một cách thoải mái. Tất cả các hoạt động có thể được điều khiển bằng trackball.





Ăng-ten tinh vi với độ tin cậy tuyệt vời và dễ bảo trì



*Chỉ có ăng-ten AF mới có thể kết nối với FAR-2018/2028-MARK-2, và chỉ có ăng-ten CF mới có thể kết nối với FAR-22x8.

Dòng sản phẩm FAR-2xx8 được thiết kế để cung cấp hình ảnh radar rõ nét và chính xác hơn về môi trường xung quanh, đồng thời tăng độ tin cậy và giảm tổng chi phí sở hữu nhờ khả năng bảo trì dễ dàng.

Mạng Ethernet giữa ăng-ten và thiết bị bên dưới cho phép độ tin cậy cao, chuyển đổi trực tiếp tín hiệu tương tự sang tín hiệu số trước khi gửi đến bộ xử lý chính.

Thiết kế tinh chỉnh của ăng-ten mới giúp giảm đáng kể lực cản khí động học và giảm tải cho hộp số. Bản thân hộp số cũng đã được thiết kế lại. Lực cản khí động học giảm và động cơ DC không chổi than giúp hộp số trở nên rất bền bỉ, có thể sử dụng trong thời gian dài.

Việc lắp đặt và bảo trì giờ đây dễ dàng hơn bao giờ hết. Tất cả các bộ phận của hộp số được tích hợp thành một khối duy nhất, có thể dễ dàng tháo rời khỏi hộp số khi cần bảo trì. Dây cáp đến hộp số có thể được kết nối từ bên hông hộp số.

Lắp đặt dễ dàng, linh hoạt – Hoàn hảo cho lắp mới hoặc thay thế.

► Có thể sử dụng lại màn hình, bộ điều khiển và dây cáp hiện có trong quá trình thay thế*

*Chỉ áp dụng khi thay thế cho dòng FAR-2xx7

► Bộ chuyển đổi tín hiệu LAN tùy chọn cho phép giao tiếp Ethernet. Kéo dài cáp giữa bộ phận anten và bộ xử lý bằng cách sử dụng các cáp hiện có khi có thể thay thế.

► Kết nối Ethernet cho phép giao tiếp và trao đổi thông tin.

Ethernet mở rộng khả năng của Radar bằng cách kết nối với các hệ thống hiện có hoặc hệ thống mới được lắp đặt, chẳng hạn như ECDIS và VDR.

► Tận dụng tính năng Inter-Switching với bộ Ethernet HUB tùy chọn.

► Cáp DVI-I có thể được kết nối với VDR trong quá trình thay thế.

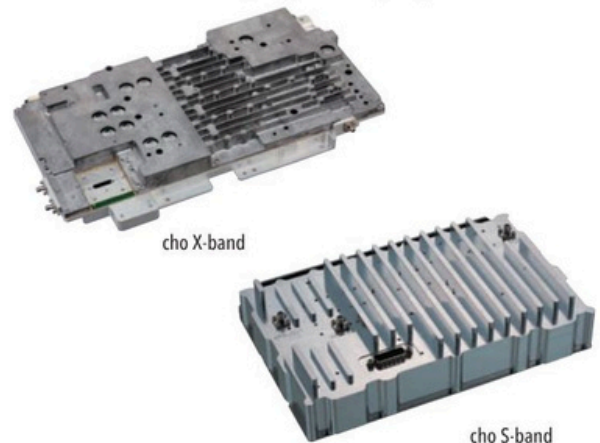
Cách kết nối VDR với radar dòng FAR-2xx8

VR-7000/7000S	Kết nối trực tiếp VDR với mạng LAN.
VR-3000/3000S	Đưa tín hiệu RGB trực tiếp từ cổng DVI-I vào VDR.
VDR của các nhà sản xuất khác	Vui lòng kiểm tra với nhà sản xuất VDR để kết nối đúng cách.

Khả năng phát hiện tiên tiến kết hợp với chi phí bảo trì thấp – Khám phá sức mạnh của radar bán dẫn NXT

So với radar magnetron truyền thống, radar bán dẫn dòng NXT cung cấp khả năng phát hiện mục tiêu đáng tin cậy cao trong khi tiêu thụ ít điện năng.

Mô-đun khuếch đại công suất của bộ thu phát bán dẫn



► Hình ảnh rõ nét

Công nghệ radar bán dẫn Furuno tạo ra hình ảnh âm dội rõ nét, cho phép người dùng thu được hình ảnh rõ ràng về khu vực xung quanh tàu của họ, bao gồm cả các âm dội yếu hơn từ các tàu nhỏ

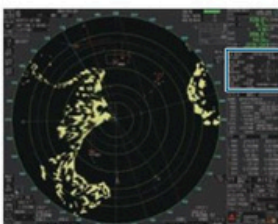
► Giảm thời gian và chi phí bảo trì

- Không cần thay thế magnetron
- Loại bỏ các bộ phận tiêu hao nhờ ăng-ten không quạt (chỉ dành cho S-band)

Công nghệ tiên tiến giúp định vị an toàn và thông minh hơn trong mọi tình huống (tùy chọn)

► Phần mềm Wave Analyzer*

- Cho phép theo dõi và phân tích âm dội sóng theo thời gian thực.
- Đảm bảo an toàn trên biển ngay cả vào ban đêm



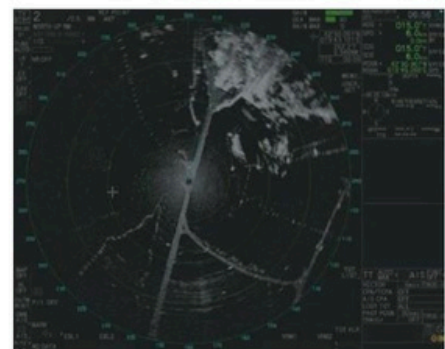
*Xem thêm chi tiết trong brochure về Wave Analyzer.



► Chế độ Băng **

(Chỉ dành cho magnetron X-band)

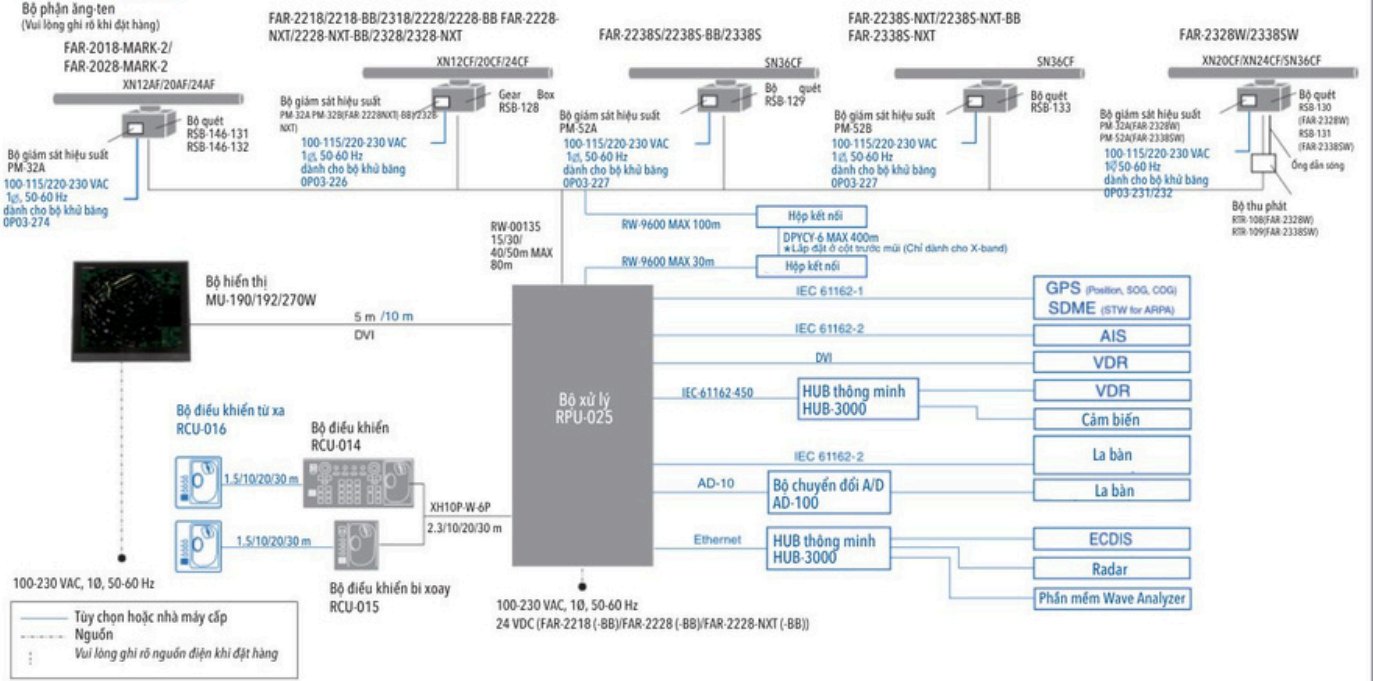
- Tìm đường đi tốt nhất xuyên qua băng
- Quan sát điều kiện băng bằng radar



**Vui lòng liên hệ với nhà phân phối tại địa phương để biết thêm chi tiết.

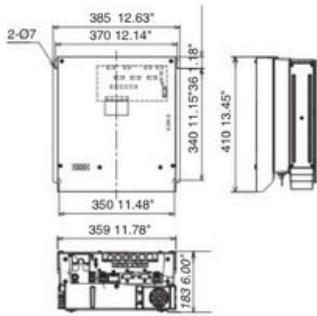
SƠ ĐỒ KẾT NỐI

Bộ phận ăng-ten
(Vui lòng ghi rõ khi đặt hàng)



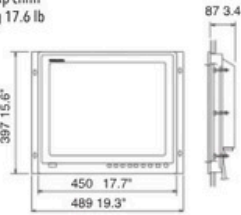
Bộ xử lý

RPU-025
X-band/ S-band 24rpm w/ Fan 9.6 kg 21 lb S-band
42rpm w/ 2 Fan 11.5 kg 25 lb



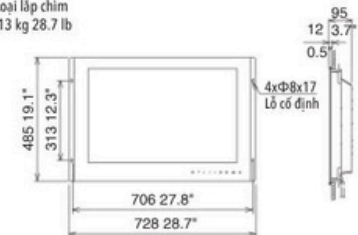
Bộ hiển thị

MU-192
Loại lắp chìm
8.0 kg 17.6 lb



MU-270W

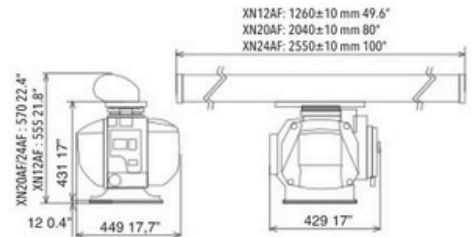
Loại lắp chìm
13 kg 28.7 lb



Bộ phận ăng-ten

dành cho FAR-2018-MARK-2/2028-MARK-2

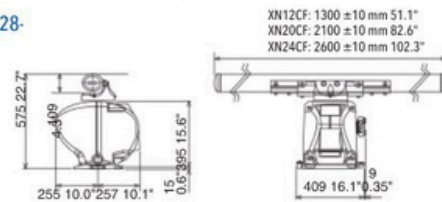
Cánh
XN12AF 39 kg 86 lb 44
XN20AF kg 97 lb 46 kg
XN24AF 101 lb



Bộ phận ăng-ten

dành cho FAR-2218/2218-BB/2318/2228/2228-BB/2328 FAR-2228-NXT/2228-NXT-BB FAR-2328-NXT

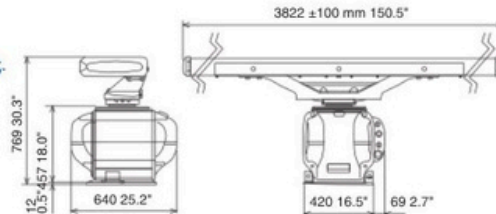
Cánh
XN12CF 49 kg 108 lb 51
XN20CF kg 112 lb 52 kg
XN24CF 114 lb



Bộ phận ăng-ten

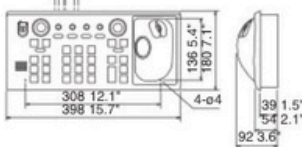
dành cho FAR-2238S/2238S-BB/2338S/ FAR-2238S-NXT/2238S-NXT-BB/ FAR-2338S-NXT

Cánh
SN36CF (RSB-129) 140 kg 308 lb
SN36CF (RSB-133) 134 kg 295 lb



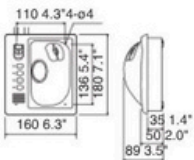
Bộ điều khiển

RCU-014 2.5kg 5.5 lb



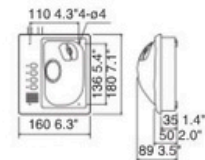
Bộ điều khiển bi xoay

RCU-015 2.4kg 5.3lb



Bộ điều khiển từ xa

RCU-016 2.4kg 5.3lb



Hãy cảnh giác với sản phẩm nhái

Tất cả tên thương hiệu và sản phẩm đều là nhãn hiệu đã đăng ký, nhãn hiệu hoặc nhãn hiệu dịch vụ của chủ sở hữu tương ứng.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT CÓ THỂ THAY ĐỔI MÀ KHÔNG CẦN THÔNG BÁO

FURUNO ELECTRIC CO., LTD.
www.furuno.com

Find your local contact point



HAIDANG

C-2512LB
Catalogue No. CA000002787

Tên sản phẩm: RADAR HÀNG HẢI

Âng-ten phát xạ

- Loại: Cánh dài
- Độ rộng chùm tia và suy hao búp sóng phụ

Loại ăng-ten phát xạ	X-Band						S-Band
	XN12CF	XN20CF	XN24CF	XN12AF	XN20AF	XN24AF	SN36CF
Độ dài	4 ft	6.5 ft	8 ft	4 ft	6.5 ft	8 ft	12 ft
Độ rộng chùm tia ngang	1.9°	1.23°	0.95°	1.9°	1.23°	0.95°	1.8°
Độ rộng chùm tia dọc	20°	20°	20°	20°	20°	20°	25°
Búp sóng phụ trong ±10°	-24 dB	-28 dB	-28 dB	-24 dB	-28 dB	-28 dB	-24 dB
Búp sóng phụ ngoài ±10°	-30 dB	-32 dB	-32 dB	-30 dB	-32 dB	-32 dB	-30 dB

- Phần cực: Ngang
- Tốc độ xoay: 24 rpm hoặc 42 rpm (dành cho tàu tốc độ cao)

*XN24CF/XN24AF không dùng cho 42 rpm

- Tải trọng gió: 100 kn tương đối
- De-icer (tùy chọn): Bật: khi nhiệt độ xuống đến 0°C
Tắt: khi nhiệt độ tăng lên đến +5°C

Bộ thu phát

- Tần số TX và điều chế:
 - X-band (Magnetron): 9410 MHz ±30 MHz, PON
 - S-band (Magnetron): 3050 MHz ±30 MHz, PON
 - X-band (Bản dẫn):
 - CH1 PON: 9403.75 MHz/QON: 9423.75 ±5MHz hoặc
 - CH2 PON: 9413.75 MHz/QON: 9433.75 ±5MHz
 - S-band (Bản dẫn):
 - CH1 PON: 3043.75 MHz/QON: 3063.75 MHz ±5 MHz hoặc
 - CH2 PON: 3053.75 MHz/QON: 3073.75 MHz ±5 MHz

- Công suất phát:
 - FAR-2018-MARK-2/2218/2218-BB/2318: 12 kW
 - FAR-2028-MARK-2/2228/2228-BB/2328W: 25 kW
 - FAR-2228-NXT/2228-NXT-BB/2328-NXT: 600 W
 - FAR-2238S/2238S-BB/2338S/2338SW: 30 kW
 - FAR-2238S-NXT/2238S-NXT-BB/2338S-NXT: 250 W

- Thang đo phạm vi, Tốc độ lặp xung và Độ dài xung:
 - Radar Magnetron: FAR-2018-MARK-2/2218/2218-BB/2318/2028-MARK-2/2228/2228-BB/2328/2328W/2238S/2338S-BB/2338S/2338SW

PRR (Hz approx)	Thang đo (NM)									
	0.125	0.25	0.5	0.75	1.5	3	6	12	24	48
3000	S1									
3000	S2									
1500	M1									
1200	M2									
1000	M3									
600*	L									

*: 500 Hz ở thang 96 NM.

Radar bản dẫn: FAR-2228-NXT/2228-NXT-BB/2328-NXT

PRR (Hz approx)	Thang đo (NM)									
	0.125	0.25	0.5	0.75	1.5	3	6	12	24	48
1500	S1									
1500	S2									
1200	M1									
1000	M2									
1000	M3									
600	L									

Radar bản dẫn: FAR-2238S-NXT/2238S-NXT-BB/2338S-NXT

PRR (Hz approx)	Thang đo (NM)									
	0.125	0.25	0.5	0.75	1.5	3	6	12	24	48
2400	S1									
2000	S2									
1500	M1									
1040	M2									
1000	M3									
600	L									

Bộ xử lý

- Cự ly tối thiểu: 22m
- Độ phân biệt theo cự ly: 26m
- Độ chính xác cự ly: 1% phạm vi đo từ đa của thang đang sử dụng hoặc 10 m, lấy giá trị nào lớn hơn
- Độ phân biệt theo phương vị: 2.1°(XN12CF/XN12AF), 1.5°(XN20CF/XN20AF), 1.2°(XN24CF/XN24AF), 2.0°(SN36CF)
- Độ chính xác phương vị: ±1°
- Thang đo và khoảng cách vòng cự ly (RI)

Thang (NM)	0.125	0.25	0.5	0.75	1.5	3	6	12	24	48	96
RI (NM)	0.025	0.05	0.1	0.25	0.25	0.5	1	2	4	8	16
Số vòng	5	5	5	3	6	6	6	6	6	6	6

- Thời gian làm nóng: Khoảng 3 phút (không bao gồm radar bản dẫn)

- Chế độ trình bày: Head-up, STAB head-up, Course-up, North-up (RM/TM), Stern-up

- Đầu: Con trỏ, Vòng cự ly, Đầu hướng mũi, Đầu hướng Bắc, Đầu góc phương vị, Vệt mục tiêu, VRM, EBL, Vùng thu thấp

- Target tracking (TT): Tự động hoặc chọn thủ công 100 mục tiêu trong phạm vi 24/32NM (Phạm vi được chọn từ menu cài đặt)

- Theo dõi: 5/10 điểm cho tất cả các mục tiêu, Thời gian vector: Tất, 30 s, 1-60 min

- AIS: Dung lượng hiển thị: 350 mục tiêu, Theo dõi: 5/10 điểm trên các mục tiêu đã kích hoạt

- Thời gian vector: Tất, 30 giây, 1-60 phút

- Radar map: 20,000 điểm

- Vùng thu thấp: 2 vùng

- Chức năng Interswitch: Có thể chọn từ menu

Bộ hiển thị

- | | MU-192 | MU-270W |
|-----------------------------------|----------------------|----------------------|
| 1. Loại màn hình | LCD màu 19 inch | LCD màu 27 inch |
| 2. Độ phân giải | 1280 x 1024 (SXGA) | 1920 x 1200 (WUXGA) |
| 3. Độ sáng | Tiêu chuẩn 400 cd/m² | Tiêu chuẩn 400 cd/m² |
| 4. Khoảng cách nhìn thấy | 1.02 m danh định | 1.02 m danh định |
| 5. Đường kính hiệu dụng của radar | 282 mm | 349 mm |

Giao tiếp

- Số cổng (bộ xử lý):
 - Serial: 7 cổng (IEC61162-1/2: 2 cổng, IEC61162-1: 4 cổng, AD-10: 1 cổng)
 - Ngõ ra báo động: 6 cổng: tín hiệu tiếp điểm, dòng tải 250 mA (Thường đóng/mở: 4, Lỗi hệ thống: 1, Lỗi nguồn: 1)
 - Ngõ ra DVI: 2 cổng: DVI-D, DVI-I hoặc RGB picture data (VDR)
 - LAN: 2 cổng: Ethernet 100 Base-TX
 - RS-232C: 1 cổng: điều khiển độ sáng
 - Màn hình phụ (dành cho ECDIS): 2 cổng: HD, BP, Trigger và Video

- Cầu dữ liệu (IEC61162-1/2, IEC61162-450)

- Vào: ABK, ACK, ACN, ALR, BWC, BWR, CUR, DBK*, DBS*¹, DBT, DDC, DPT, DTM, GGA, GLL, GNS, HBT, HDT*¹, MTW, MWW, OSD, RAQ, RMB, RMC, ROT, RTE, SRP, THS, VBW, VDM, VDO, VDR, VHW, VSD, VTG, VWR*¹, VWT*¹, WPL, ZDA

- Ra: ABM, ACK, AIQ, ALC, ALF, ALR, ARC, BBM, DDC, EVE, HBT, OSD, RSD, SRP, TLL, TLD, TTM, VSD *1: for retrofit.

- Giao tiếp Ethernet cho IEC61162-450

- Cổng (LAN2): 100Base-TX, IPv4, đầu nối 8P8C
- Nhóm truyền tải IEC61162-450
- Vào: MISC, TGTD, SATD, NAVD, TIME, PROP
- Ra: Arbitrary (mặc định: TGTD)
- Địa chỉ Multicast: 239.192.0.1 to 239.192.0.20
- Cổng đích: 60001 đến 60020
- Truyền tải hình ảnh nhí phần có thể phát lại
- Địa chỉ Multicast: 239.192.0.1 to 239.192.0.20
- Cổng đích: 60026 đến 60030
- Các chức năng mạng khác không bao gồm IEC61162-450

- Cổng đầu ra trên bộ phận ăng-ten: SNMP, HTTP, Syslog, Furuno Management Protocol (FMP)

- Cổng đầu ra trên bộ phận ăng-ten:
 - Màn hình phụ (dành cho radar): 1 cổng: HD, BP, Trigger và Video signal

Nguồn cung cấp

- Bộ xử lý

- | | |
|------------------------|--|
| FAR-2018-MARK-2 | 100-230 VAC: 2.1-1.0 (2.8-1.2)A, 1 phase, 50-60 Hz / 24VDC: 7.7 (10.6)A* |
| FAR-2218/2318 | 100-230 VAC: 2.1-1.0 (2.9-1.3)A, 1 phase, 50-60 Hz / 24VDC: 5.4 (9.0)A* |
| FAR-2028-MARK-2 | 100-230 VAC: 2.1-1.0 (2.8-1.3)A, 1 phase, 50-60 Hz / 24VDC: 8.1 (11.2)A* |
| FAR-2228/2328 | 100-230 VAC: 2.3-1.1 (3.2-1.4)A, 1 phase, 50-60 Hz / 24VDC: 8.9 (12.4)A* |
| FAR-2228-NXT/2228-NXT | 100-230 VAC: 2.1-1.0 (2.9-1.3)A, 1 phase, 50-60 Hz / 24VDC: 8.2 (11.1)A* |
| FAR-2328W | 100-230 VAC: 2.3-1.1 (3.2-1.4)A, 1 phase, 50-60 Hz |
| FAR-2238S/2338S/2338SW | 100-230 VAC: 3.2-1.5 (3.6-2.5)A, 1 phase, 50-60 Hz |
| FAR-2238S-NXT | 100-230 VAC: 2.6-1.2 (5.1-2.2)A, 1 phase, 50-60 Hz |
| FAR-2328-NXT | 100-230 VAC: 2.1-1.0 (2.9-1.3)A, 1 phase, 50-60 Hz |
| FAR-2338S-NXT | 100-230 VAC: 2.6-1.2 (5.1-2.2)A, 1 phase, 50-60 Hz |

- Bộ hiển thị:
 - MU-192: 100-230 VAC: 0.4-0.3 A, 1 pha, 50-60 Hz
 - MU-270W: 100-230 VAC: 0.6-0.4 A, 1 pha, 50-60 Hz

- HUB (tùy chọn): 100-230 VAC: 0.1 A max. 1 pha, 50/60 Hz 100-115/220-230

- De-icer (tùy chọn): VAC: 2.6/1.3 A, 1 pha, 50-60 Hz

Điều kiện môi trường

- Nhiệt độ môi trường:
 - Bộ phận ăng-ten: -25°C đến +55°C (lưu trữ: -25°C đến +70°C)
 - Các bộ phận trong phòng: -15°C đến +55°C (lưu trữ: -20°C đến +70°C)
- Độ ẩm tương đối: 95% hoặc thấp hơn ở +40°C
- Mức độ bảo vệ:
 - Bộ phận ăng-ten: IP56
 - Bộ xử lý/màn hình: IP22
 - Bộ điều khiển: IP20
 - HUB: IP20 (HUB-100), IP22 (HUB-3000) IEC
- Độ rung: 60945 Ed.4

Danh mục thiết bị

Tiêu chuẩn

- Bộ hiển thị MU-192/MU-270W
- Bộ xử lý RPU-025
- Bộ điều khiển RCU-014
- Bộ điều khiển từ xoay (Vui lòng ghi rõ khi đặt hàng) RCU-015
- Âng-ten phát xạ XN12CF/XN20CF/XN24CF/XN12AF/XN20AF/XN24AF/SN36CF
- Mạch thu phát RTR-105/106/107/108/109/111
- Bộ quét RSB-128/129/130/131/133
- Cáp DVI (5 m) DVI-D/D S-LINK 5M, không kèm theo mẫu BB
- Phụ tùng thay thế tiêu chuẩn và vật tư lắp đặt
- Bộ giám sát hiệu suất PM-32A/52A/52B

Tùy chọn

- Bộ điều khiển từ xa RCU-016
- Hộp kết nối RJ-001
- Bộ chuyển đổi AD-100 E
- HUB thông minh HUB-3000
- De-icer OP03-226/227/231/232/274
- Bộ chuyển đổi LAN:
 - X-band (magnetron) OP03-247-3, X-band (NXT) OP03-247-4,
 - S-band (magnetron) OP03-247-2, S-band (NXT) OP03-247-1
- Phần mềm Wave Analyzer WV-100/WV-100ST